

Số: 165/BC-UBND

Lê Hồng, ngày 13 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm,
phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022**
(Số liệu tính từ ngày 10/12/2021 đến ngày 09/6/2022)

Thực hiện Công văn số 508/UBND-VP ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Lê Hồng báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính

- Năm 2022, công tác cải cách hành chính tiếp tục được cấp ủy Đảng, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt và toàn diện. UBND xã đã ban hành kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 31/12/2021 về cải cách hành chính nhà nước xã Lê Hồng năm 2022, Kế hoạch số 304/KH-UBND ngày 31/12/2021 về thực hiện cải cách hành chính nhà nước xã Lê Hồng giai đoạn 2021-2025. Trong đó phân công cụ thể trách nhiệm cho từng bộ phận chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch như: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số để không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác cải cách hành chính.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch: Theo kế hoạch có 07 nhiệm vụ chính với 28 nhiệm vụ cụ thể. Tính đến thời điểm 09/6/2022 đã hoàn thành 24/28 nhiệm vụ mà kế hoạch đã đề ra từ đầu năm (đạt 85%).

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Xác định chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính là một trong các giải pháp trọng tâm, UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong kế hoạch cải cách hành chính, phân công trách nhiệm, quy định mối quan hệ phối hợp của bộ phận nhằm bảo đảm cho việc quản lý, điều hành công tác cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Ngoài ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 để triển khai, thực hiện, trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực làm cơ sở triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trên địa bàn, cụ thể:

+ Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 31/12/2021 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022;

+ Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 31/12/2021 tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2022;

+ Quyết định số 04/KH-UBND ngày 08/02/2022 ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022;

+ Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 31/12/2021 rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2022;

+ Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 30/12/2021 ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2022;

+ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 21/01/2022 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2022;

+ Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/01/2022 thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022;

+ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 10/02/2022 Thực hiện xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện “Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật huyện Thanh Miện giai đoạn 2021-2025 của xã Lê Hồng” năm 2022

+ Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 08/02/2022 tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022;

+ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 27/01/2022 về Thực hiện công việc đột phá năm 2022: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa của xã Lê Hồng;

+ Kế hoạch số 304/KH-UBND ngày 31/12/2021 về thực hiện công tác CCHC xã Lê Hồng giai đoạn 2021-2025.

+ Các Quyết định, công văn, kế hoạch đôn đốc triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015,...

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 31/12/2021 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 nhằm đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện các nội dung của công tác cải cách hành chính.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Ngày 31/12/2021 UBND xã ban hành số 311/KH-UBND về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2022. Xác định trọng tâm tuyên truyền hướng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã dưới nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn và từng nhóm đối tượng.

- Đài truyền thanh xã tiếp tục duy trì phát sóng thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao nhận

thức cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Thường xuyên kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử; niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, sử dụng có hiệu quả tiện ích của các mạng xã hội có nhiều người sử dụng (Zalo, Facebook,...) để tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin chính sách, quy định mới và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin một cách nhanh nhất.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022 đã phát 06 tin bài trên hệ thống đài truyền thanh; đăng tải 08 tin bài trên Trang thông tin điện tử xã và đã tiến hành tuyên truyền các khẩu hiệu về công tác cải cách hành chính trên bảng điện tử tại trụ sở UBND như:

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm trong quá trình thực thi công vụ là nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Cán bộ và nhân dân xã Lê Hồng chung tay thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

+ Sự hài lòng của nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Việc ban hành các văn bản của HĐND, UBND xã được triển khai theo đúng quy định từng bước nâng cao chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao. Từ ngày 10/12/2021 đến ngày 09/6/2022, HĐND và UBND xã đã ban hành 255 văn bản các loại, không có văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 21/01/2022 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2022. Đến nay, chưa phát hiện có văn bản trái với quy định của pháp luật, một số văn bản chủ yếu sai về thể thức, kỹ thuật trình bày nên đã đề nghị tự sửa đổi đúng theo quy định.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật được gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật và thực hiện ngày càng nền nếp theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/01/2022 về thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Ngày 08/02/2022 Ban chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 08/02/2022 tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022 như: Tuyên truyền ổn định an ninh trật tự trên địa bàn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp

luật về an toàn giao thông, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch bệnh covid...

2. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục thực hiện tốt công việc đột phá năm 2022: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa của xã Lê Hồng.

a. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 04/KH-UBND ngày 08/02/2022 ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; tiến hành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo nội dung kế hoạch đã đề ra; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với các bộ phận, đơn vị trong việc xây dựng văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ; kiểm soát việc thực hiện công bố thủ tục hành chính; rà soát các quy định hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất cải tiến thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính; nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công tác kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin báo cáo.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị của công dân đối với hành vi hành chính của cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho công dân.

b. Về công bố, công khai thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố gồm 143 thủ tục; trong đó TTHC được công khai: 143 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã: 143 thủ tục;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã tiếp tục công khai đầy đủ bộ thủ tục hành chính và kịp thời niêm yết các thủ tục hành chính khi có sửa đổi, bổ sung của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết, mức thu phí, lệ phí, đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử xã giúp cho tổ chức và cá nhân dễ dàng tìm hiểu và thực hiện khi có yêu cầu, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 Ban hành Quy chế thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn xã Lê Hồng;

+ Thông báo số 28/TB-UBND ngày 24/01/2022 Danh mục các thủ tục hành chính liên thông tại Ủy ban nhân dân xã Lê Hồng tính đến tháng 01/2022;

+ Thông báo số 25/TB-UBND ngày 21/01/2022 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã;

+ Thông báo số 26/TB-UBND ngày 21/01/2022 V/v công khai quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

+ Thông báo số 75/TB-UBND ngày 24/3/2022 của UBND xã về việc niêm yết danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

+ Thông báo số 85/TB-UBND ngày 04/4/2022 của UBND xã về việc triển khai thực hiện TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.

+ Thông báo số 131/TB-UBND ngày 20/5/2022 về Danh mục TTHC cắt giảm thời gian thực hiện tại Bộ phận Một cửa xã Lê Hồng.

- Mỗi quan hệ giữa bộ phận chuyên môn với tổ chức, công dân được cải thiện, thông qua các biện pháp như cải cách TTHC gắn liền với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về TTHC; TTHC được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và các tổ chức.

c. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tiếp tục duy trì nề nếp thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định: có 143/143 TTHC (tỷ lệ 100%) được đưa vào thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đưa 116 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (trong đó: 70 TTHC mức độ 3, 46 TTHC mức độ 4).

Tính từ ngày 10/12/2021 đến 09/6/2022, Bộ phận Một cửa UBND xã Lê Hồng đã tiếp nhận 1224 hồ sơ. Trong đó: 539 hồ sơ tiếp nhận online, 676 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, 9 hồ sơ tồn kỳ trước, hồ sơ tiếp nhận trong kỳ 1215 hồ sơ. Đã giải quyết 1221 hồ sơ, có 1220 hồ sơ trả trước hạn đạt 99,9%, 01 hồ sơ trả quá hạn đạt 0,1%, 03 hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết. Cụ thể như sau:

+ Lĩnh vực Hộ tịch: Tổng số 224 hồ sơ: tiếp nhận online 94 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp 150 hồ sơ, đã trả trước hạn 224 hồ sơ đạt 100%.

+ Lĩnh vực Chứng thực: Tổng 873 hồ sơ: tiếp nhận online 407 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp 466 hồ sơ, đã trả trước hạn 873 hồ sơ đạt 100%.

+ Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: Tổng 107 hồ sơ: tiếp nhận online 38 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp 60 hồ sơ, đã trả trước hạn 103 hồ sơ, quá hạn 01 hồ sơ, 03 hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết.

Có 1224 hồ sơ đã được cập nhật lên phần mềm một cửa dùng chung của tỉnh Hải Dương. 99,9% hồ sơ được trả trước hạn, có 01 hồ sơ trễ hạn đạt 0,1%. Tỷ lệ hài lòng đạt 99,9%.

Đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại xã được đầu tư cơ bản và hiện đại đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- UBND xã thực hiện chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định của tỉnh, của huyện; thực hiện tốt các quy chế của cơ quan như Quy chế làm việc; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan UBND xã; Quy chế thi đua, khen thưởng,... Việc quản lý biên chế hành chính đã thực hiện đúng theo các quy định

hiện hành của Nhà nước. Tổng số cán bộ, công chức được giao là 20, hiện tại có mặt là 20 người, trong đó có 02 cán bộ hợp đồng.

- Thực hiện tốt việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, công vụ, cán bộ, công chức, lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý đất đai nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa xã với chính quyền các cấp gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo.

- Thực hiện nghiêm túc các kế hoạch của huyện, của xã về thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 Khóa XII của BCH TW Đảng.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Hiện nay, việc sắp xếp, bố trí số lượng, chất lượng cán bộ, công chức đúng số lượng theo quy định của pháp luật. Tính đến nay, tổng số cán bộ, công chức xã được giao 20 người, hiện có mặt 20 người (đủ biên chế), trong đó: cán bộ có 10 người, công chức 10 người. Số lượng cán bộ đạt chuẩn có 8/10 người, đạt 80%; Số lượng công chức đạt chuẩn 9/10 người, đạt 90%; không đạt chuẩn 01/10 người, chiếm tỷ lệ 10%. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được chuẩn hóa về mặt chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào phần mềm quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: UBND xã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 24/01/2022 đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2022. Hiện có 01 cán bộ đang theo học Đại học Luật, đồng thời thường xuyên chọn cử cán bộ công chức đi học tập, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

- Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng chính phủ, UBND xã đã ban hành Công văn số 48/UBND-VP ngày 21/02/2022 V/v siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ năm 2022 chỉ đạo chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc UBND xã.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đã tăng tính công khai minh bạch, công khai, dân chủ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác; tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, đồng thời giúp UBND xã chủ động hơn trong sử dụng kinh phí, đáp ứng kịp thời những yêu cầu của công tác chuyên môn.

- Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND xã tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 và công khai dự toán ngân sách năm 2022 của xã theo đúng quy định.

- Việc rà soát xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị: UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc sử dụng biên chế, kinh phí nhà nước, mua sắm, sửa chữa, văn phòng phẩm... và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 30/12/2021 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã năm 2022, triển khai thực hiện và từng bước nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ điều hành tác nghiệp tại UBND xã và tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cán bộ, công chức và đã có sự chuyển biến tích cực trong việc đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử.

- Tình hình sử dụng phần mềm dùng chung:

+ Chữ ký số: UBND thực hiện chữ ký số 100%; công chức Văn phòng HĐND-UBND xã làm đầu mối quản lý việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại UBND. Việc quản lý và sử dụng Chữ ký số được thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng.

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện thường xuyên (tiếp nhận 656 văn bản đến); 255 văn bản đi (đạt 100%) được gửi qua mạng.

+ Trang thông tin điện tử của xã: hoạt động ổn định, cung cấp tin bài thường xuyên và có sự tham gia của các bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã; đảm bảo đúng tiêu chí Chính quyền điện tử cấp xã.

+ Tình hình thực hiện ISO 9001:2015: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 21/02/2022 Về việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2022 trên địa bàn xã Lê Hồng.

+ Về họp trực tuyến: UBND xã đã triển khai hình thức họp trực tuyến để tiết kiệm thời gian và chi phí, ứng dụng này đã phát huy hiệu quả trong thời gian dịch bệnh COVID-19.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Lãnh đạo xã quyết tâm thực hiện công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Quy trình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều được thực hiện theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch thủ tục hành chính; các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết đều được niêm yết công khai, minh bạch tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã; trên Trang thông tin điện tử để thuận tiện cho người dân truy cập.

- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức; Ban biên tập trang thông tin điện tử xã cập nhật nhiều tin bài về cải cách hành chính để người dân, tổ chức có thể nắm bắt và hiểu rõ hơn về công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đều đạt ở mức cao trên 99%, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận online đạt trên 80%; 100% hồ sơ của tổ chức, công dân khi hoàn thành được hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng trực tuyến tại hệ thống Dịch vụ công; 100% hồ sơ đạt mức “hài lòng” và “rất hài lòng”.

2. Hạn chế

- Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong việc trao đổi văn bản quản lý nhà nước chưa cao.

- Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn xã còn gặp khó khăn.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Chất lượng đội ngũ công chức chưa đồng đều, một số công chức còn thiếu chuyên nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để đổi mới phương thức làm việc, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Do thói quen, trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân trên địa bàn xã còn nhiều khó khăn để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đã đề ra.

- Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây có khăn đối với tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính. Chú trọng việc giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, không để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn.

- Chú trọng trong việc tuyên truyền vận động các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.

- Tăng cường công tác rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử, những nơi tiếp xúc với tổ chức, công dân, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan chuyên môn. Triển khai thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại UBND xã.

- Tiếp tục ban hành và cập nhật đầy đủ các quy trình ISO, đảm bảo 100% TTHC được xây dựng quy trình và công bố. Theo dõi và cập nhật, xử lý ý kiến chỉ đạo của UBND huyện giao trên phần mềm đúng quy trình.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về cải cách hành chính để nâng cao kỹ năng thực hiện cải cách hành chính; thường xuyên mở lớp tập huấn cho công chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Bổ sung kinh phí để UBND xã thực hiện các nhiệm vụ CCHC có hiệu quả hơn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của UBND xã Lê Hồng./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Tiến

PHỤ LỤC

Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác CHCC 6 tháng đầu năm 2022
(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 13/6/2022)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	20	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	85	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	28	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	24	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Phòng, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	

5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	1224	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	143	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	8	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	143	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	3	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1221	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1221	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4**Cải cách bộ máy hành chính nhà nước**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	02	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện bị kỷ luật	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người		
4.4.	Số công chức (huyện và xã) bị kỷ luật	Người		
4.5.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	10 tỷ đồng/0%	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7**Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	70	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	70	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	116	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	116	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	0	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	0	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến	%	0	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		